TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/10/2023
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm Xuyên.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Diệp Thị Thu Nguyệt**

2. Bà **Lê Hiếu Xuyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Tiểu Ngọc** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lam Em** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: *457/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16/10/2023 về việc "xin ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/10/2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh **Phan Minh T**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 3, thôn 1, xã Đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Số điện thoại: 0986976768

2/ Bị đơn: Chị **Ngô Thị V,** sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Thắng, xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0357927375

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan Minh T trình bày: Anh và chị Ngô Thị V qua tìm hiểu đã tiến tới chung sống với nhau từ năm 1995, không có tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Phan Trường An, sinh năm 1998 và Phan Huỳnh Hương Giang, sinh năm 2004. Nhưng đến năm 2006, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân tính tình không hợp, vợ chồng thường hay cự cãi. Ngày 27/3/2006, anh và chị V có đến UBND xã Đak Nhau (hiện nay là xã Đường 10), huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước thuận tình ly hôn và phân chia tài sản, con cái, sau đó ngày 30/3/2006 chị V dẫn 02 con về ấp Vĩnh Thắng, xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang sống, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, anh T đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân với chị V.

- *Về quan hệ con chung*: Có 02 con chung tên Phan Trường An, sinh năm 1998 và Phan Huỳnh Hương Giang, sinh năm 2004, đều đã trưởng thành và tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có.

Tại tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Ngô Thị V trình bày: Chị V thống nhất với trình bày của anh T về quá trình chung sống và con chung, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng thường hay cự cãi. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 30/3/2006 cho đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên anh đồng ý ly hôn với anh T.

- *Về quan hệ con chung*: Có 02 con chung tên Phan Trường An, sinh năm 1998 và Phan Huỳnh Hương Giang, sinh năm 2004, đều đã trưởng thành và tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án Giấy thỏa thuận chia tài sản theo đơn ly dị có xác nhận của chính quyền địa phương, cụ thể: Ngày 30/3/2006, Ban quản lý thôn Bù Oai xác nhận ông Phan Minh T và bà Ngô Thị V thỏa thuận chia tài sản theo ly hôn là sự thật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phan Minh T và bị đơn chị Ngô Thị V vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, mọi vấn đề có liên quan anh T và chị V đã trình bày đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ vụ án, ngoài ra anh T và chị V không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Về cơ bản vụ án đã được tiến hành đúng theo trình tự

pháp luật quy định, có xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, có đủ cơ sở đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phan Minh T và chị Ngô Thị V. Về con chung: 02 con chung tên Phan Trường An, sinh năm 1998 và Phan Huỳnh Hương Giang, sinh năm 2004 đều đã trưởng thành nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét. Về án phí: Anh Phan Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Minh T khởi kiện ly hôn đối với chị Ngô Thị V, tuy nhiên anh T trình bày vợ chồng chung sống không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng; tranh chấp về nuôi con chung của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Qua các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện chị V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Vĩnh Thắng, xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Căn cứ quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Phan Minh T và bị đơn chị Ngô Thị V vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS xét xử vụ án vắng mặt anh T và chị V.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua quá trình giải quyết vụ án, lời khai của các đương sự và chứng cứ nguyên đơn cung cấp có thể xác định anh Phan Minh T và chị Ngô Thị V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống như vợ chồng, anh T và chị V không tin tưởng nhau, thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc thể hiện bằng việc anh chị đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay.

Xét thấy, anh T và chị V là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật đã chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quan hệ của anh T và chị V không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ

theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và tinh thần hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2020/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T mà giải quyết không công nhận anh T và chị V là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung, anh T và chị V có 02 con chung tên Phan Trường An, sinh năm 1998 và Phan Huỳnh Hương Giang, sinh năm 2004. Hiện nay 02 con chung đều đã trưởng thành, tự lao động được anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận anh Phan Minh T và chị Ngô Thị V là vợ chồng.

2. Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con: 02 con chung tên Phan Trường An, sinh năm 1998 và Phan Huỳnh Hương Giang, sinh năm 2004 hiện nay đã thành niên và không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự

hoặc không có khả năng lao động hoặc không có tài sản để tự nuôi mình và các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Minh T trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh Phan Minh T và chị Ngô Thị V phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Phan Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0012142 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Như vậy, anh T đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm. Chị Ngô Thị V không phải chịu án phí.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn) nơi đương sự cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã Vĩnh Khánh, h. Thoại Sơn;
- UBND xã Đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Cẩm Xuyên